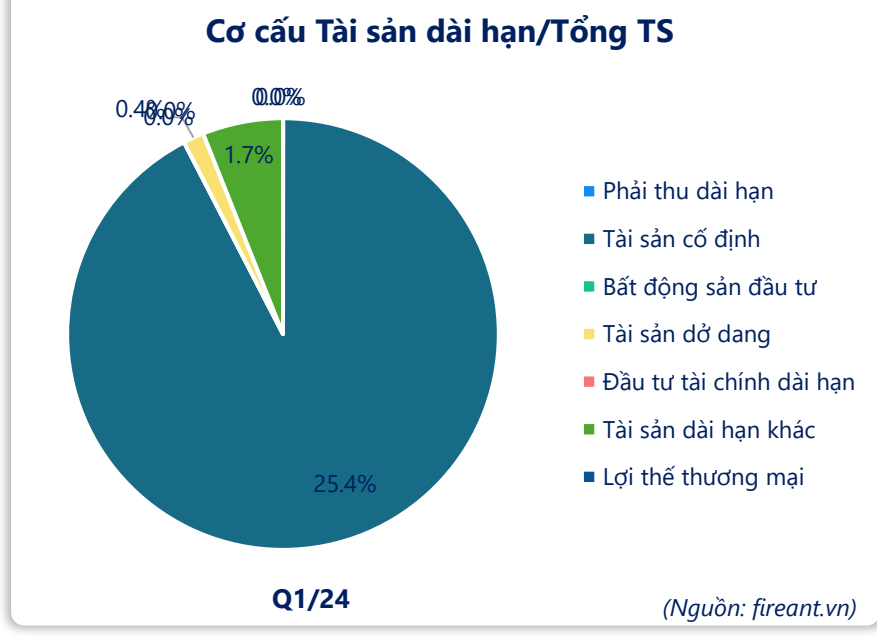
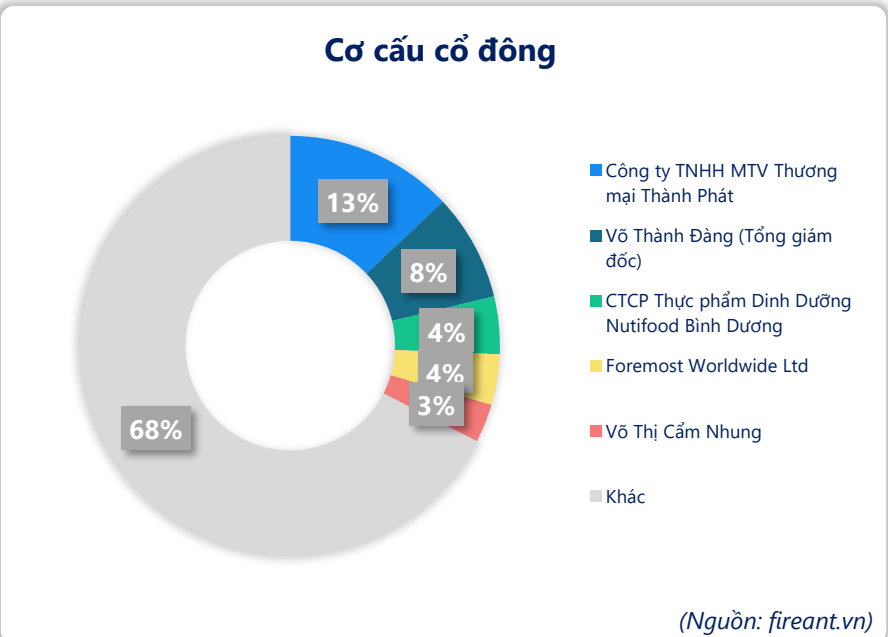
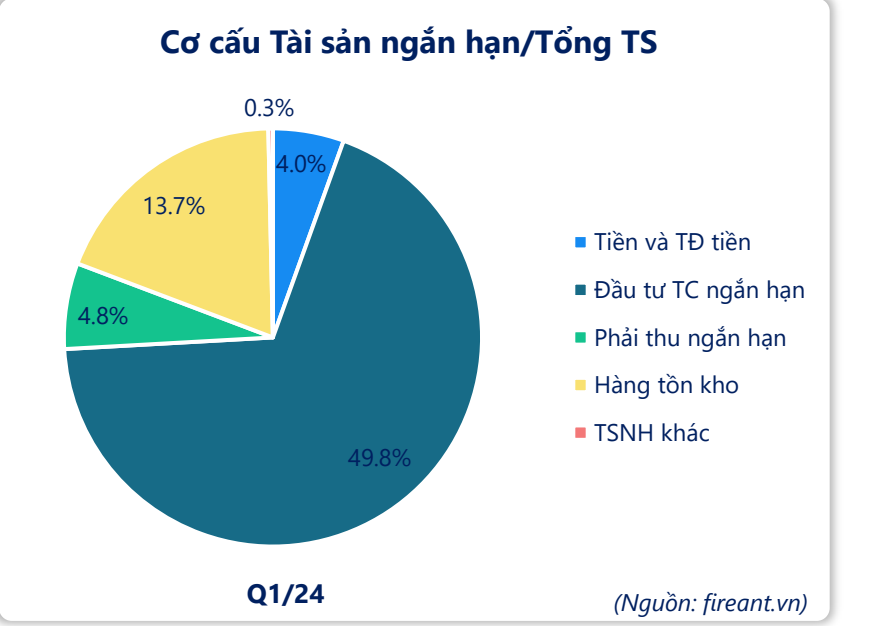
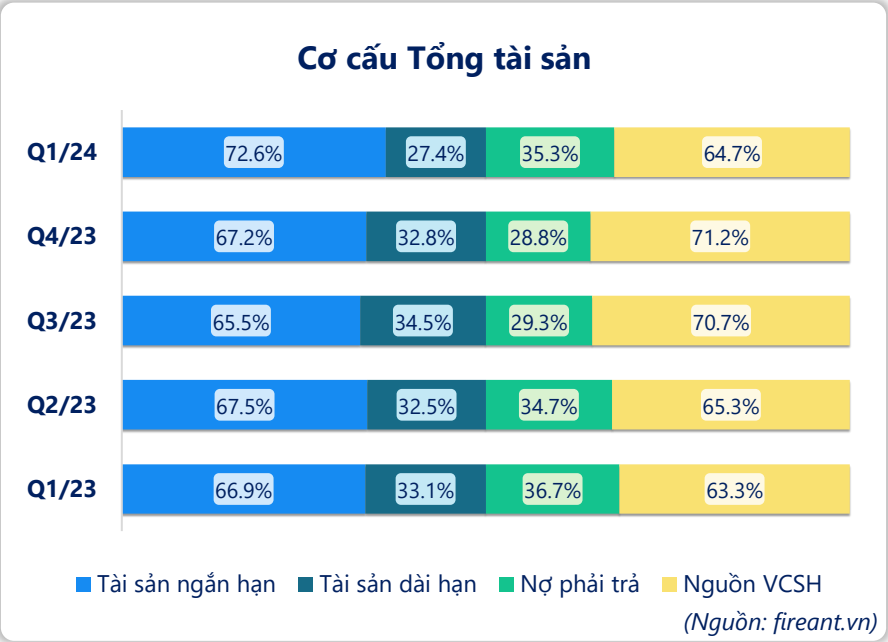
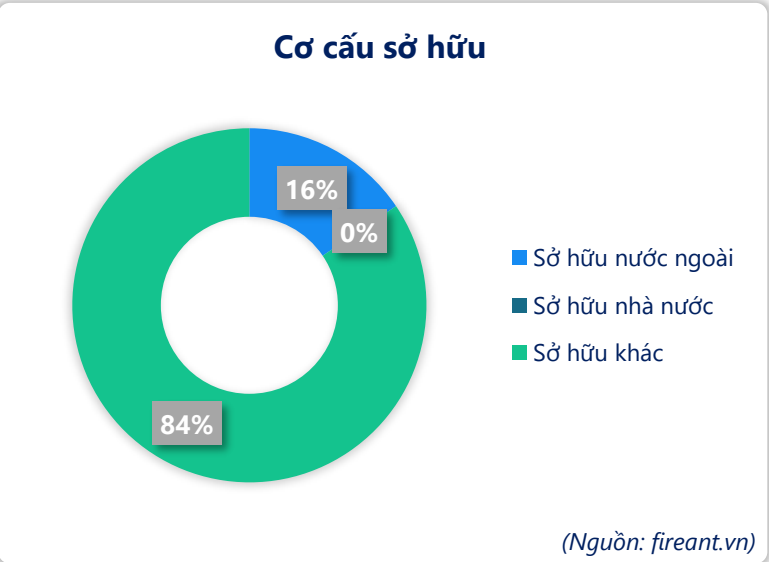
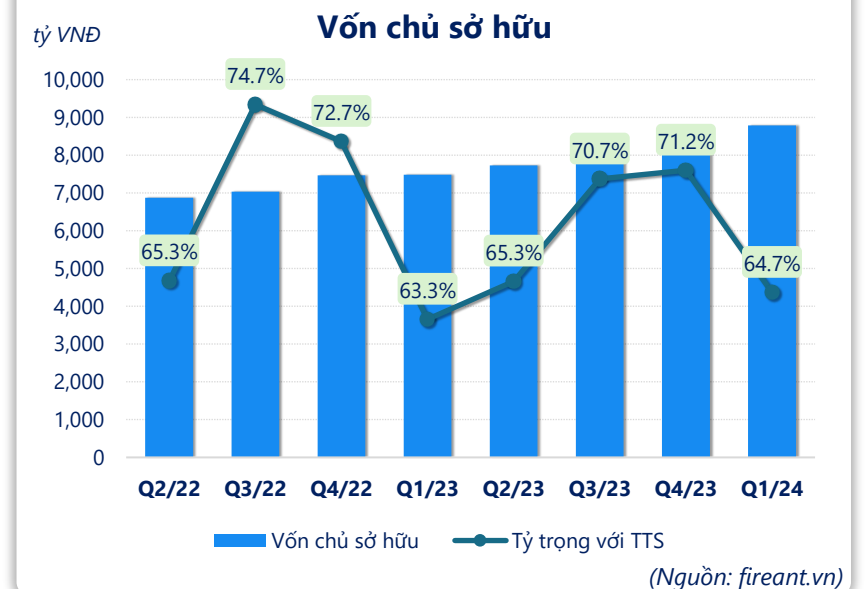
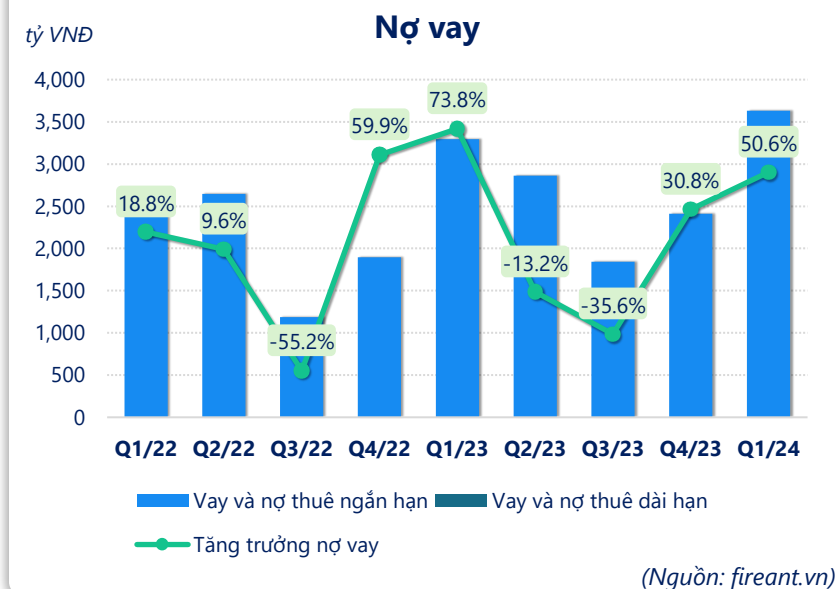
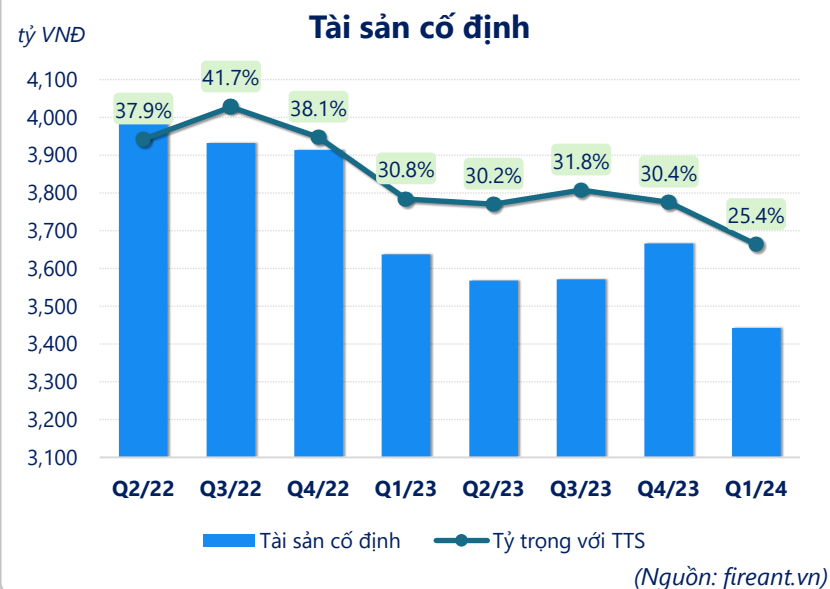
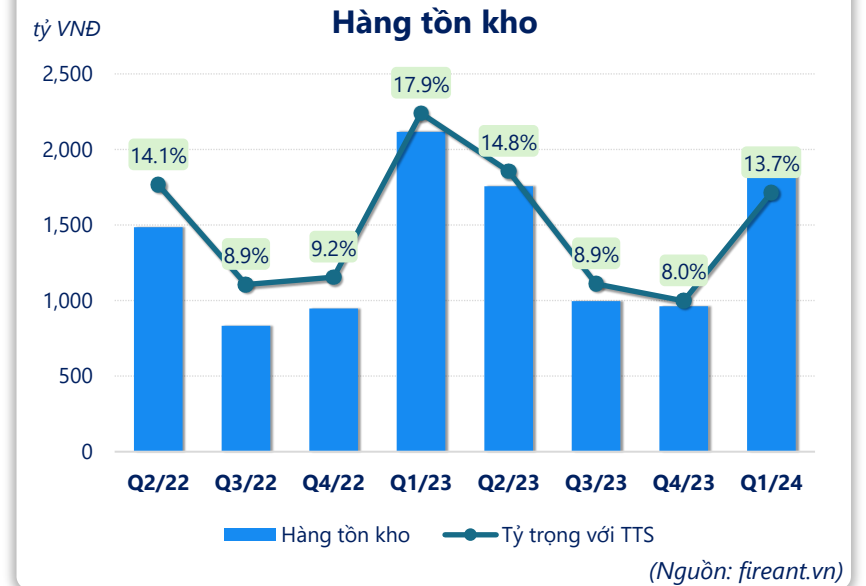
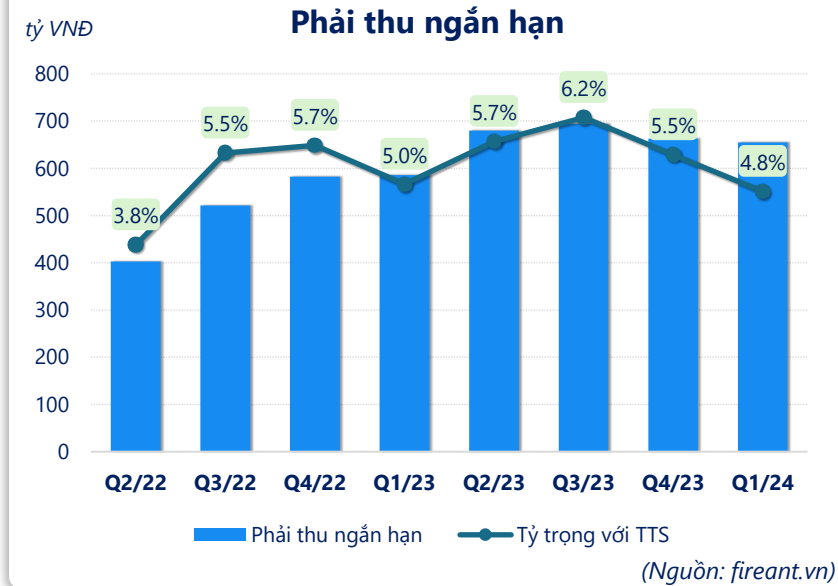
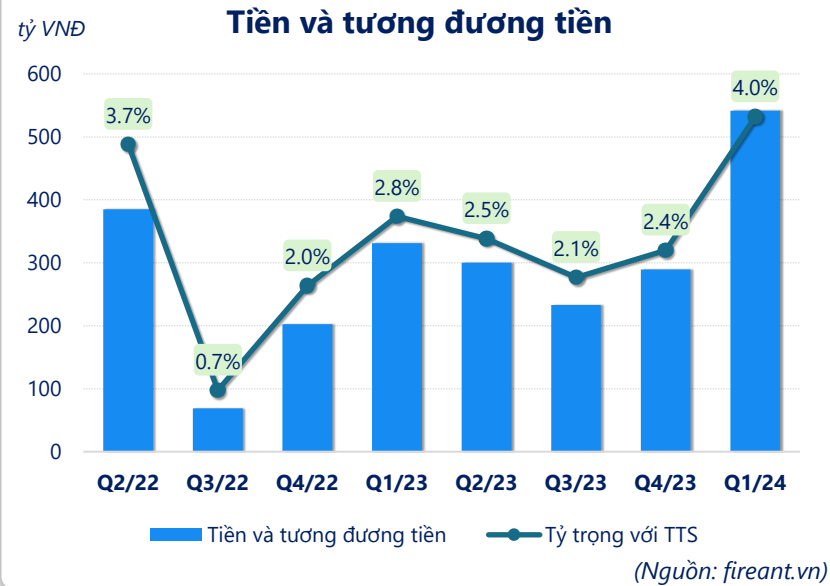
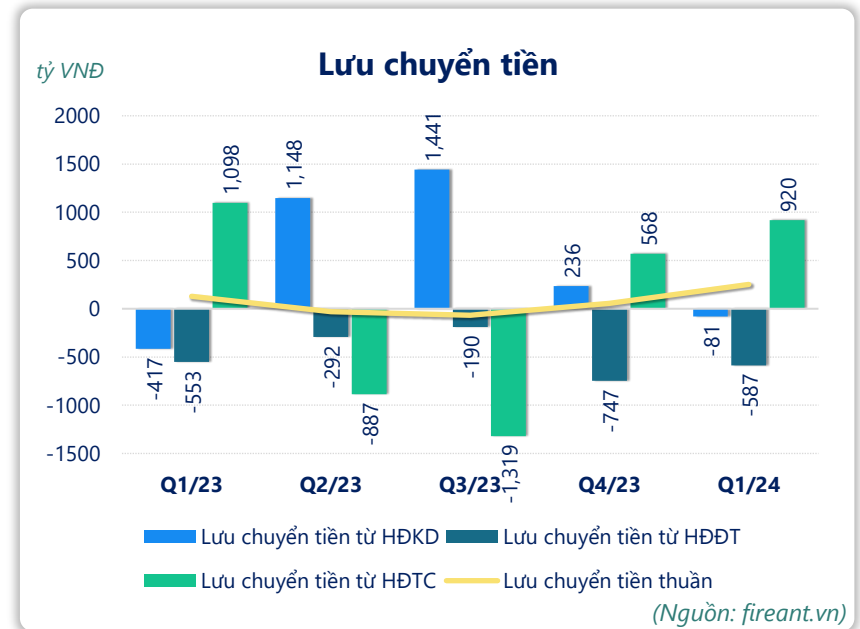
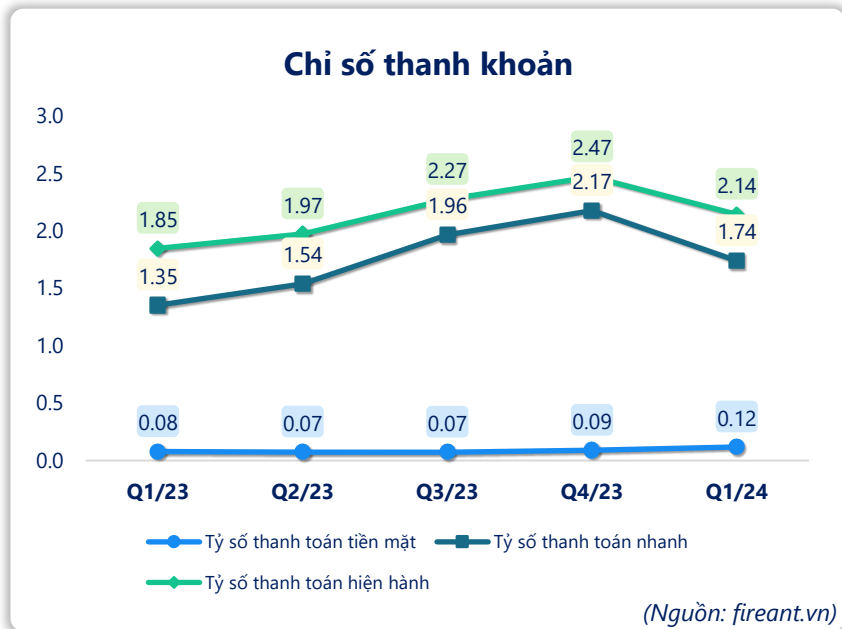
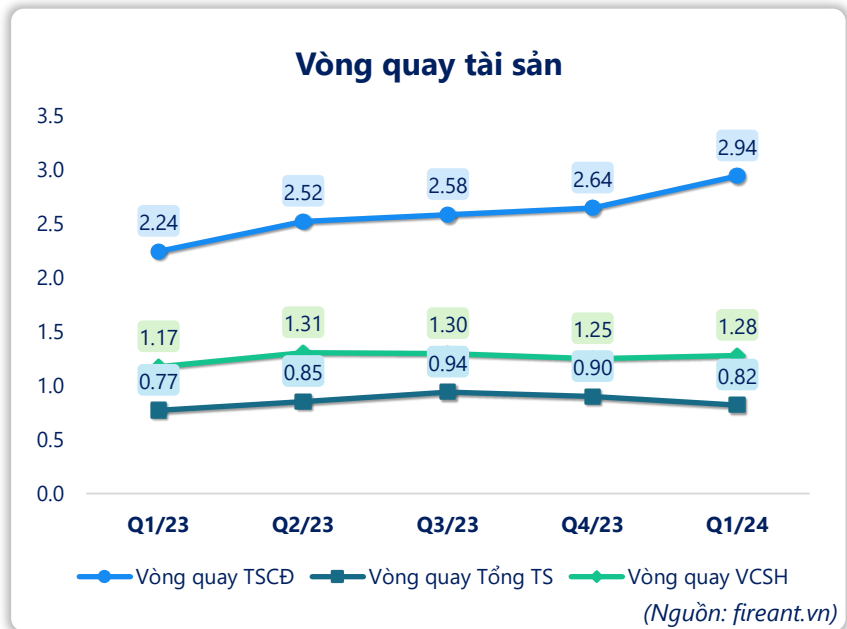
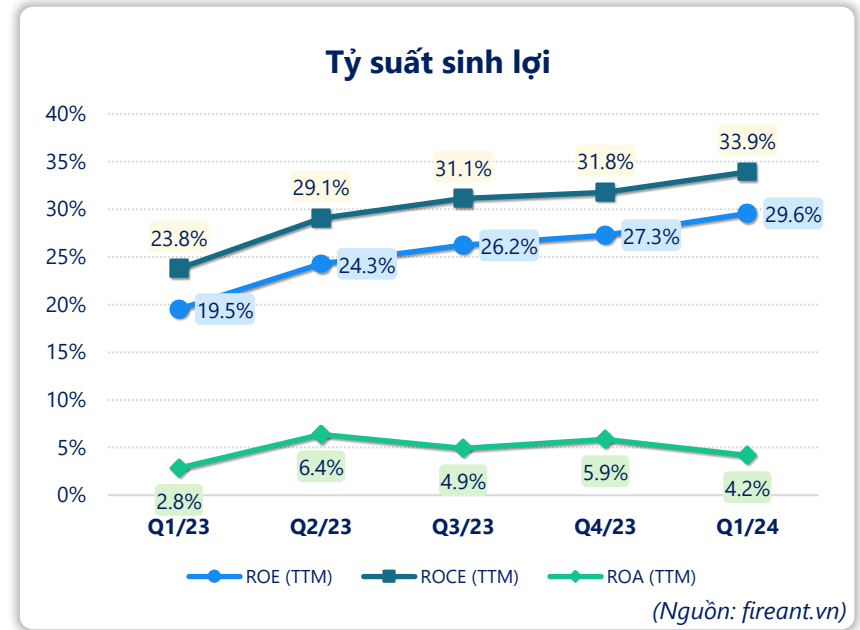
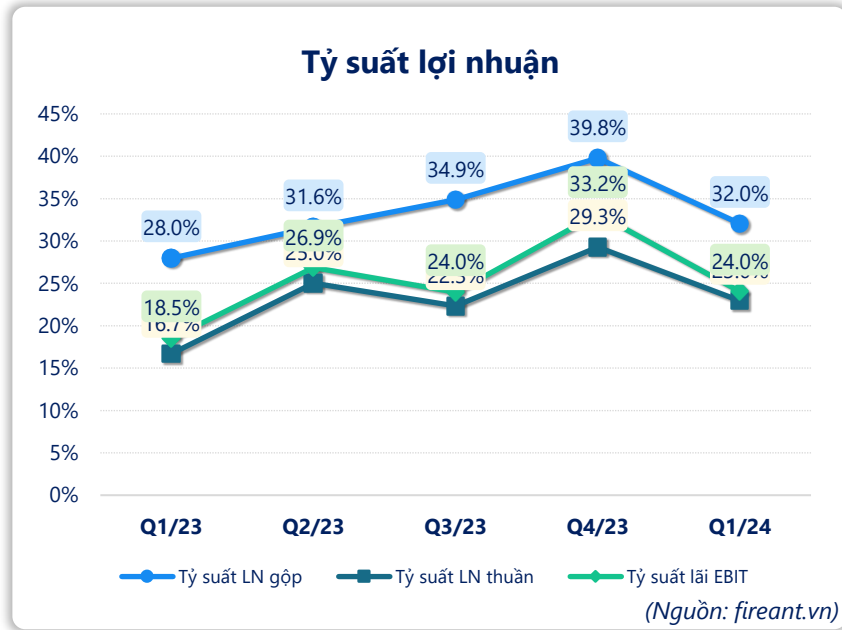
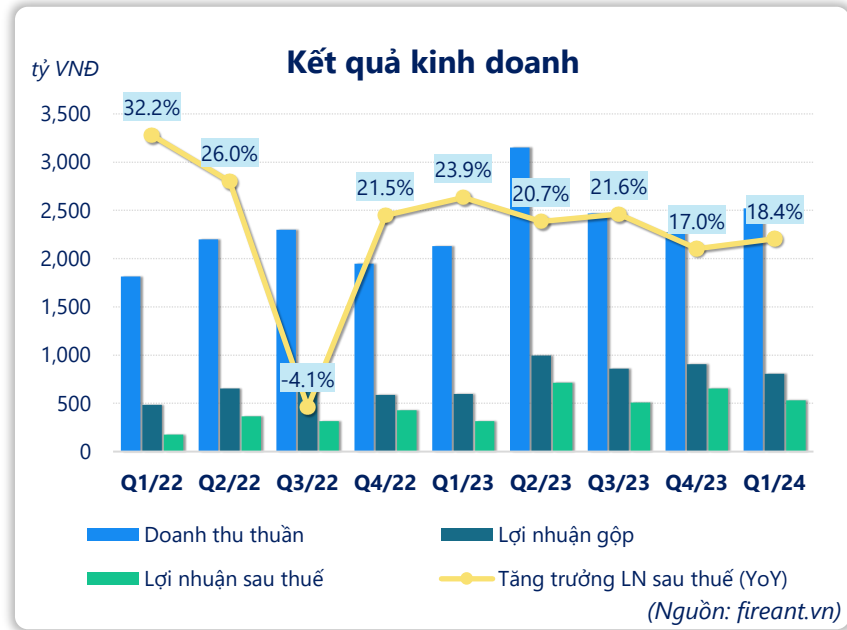


Thông tin giao dịch		31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		49,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		49,603
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		35,721
SL cổ phiếu LH		356,939,955
KLGD BQ 20 phiên (CP)		654,680
% sở hữu nước ngoài		15.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		17,704
P/E		7.4
EPS		6,737

	YTD	1T	3T	6T
QNS	16.1%	4.4%	16.6%	7.4%
VNINDEX	13.5%	1.8%	14.4%	11.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	13,577	12,053	12.7%
Tài sản ngắn hạn	9,852	8,093	21.7%
Tiền và tương đương tiền	541	289	87.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	6,760	6,165	9.7%
Phải thu ngắn hạn	655	661	-1.0%
Hàng tồn kho	1,861	958	94.2%
Tài sản ngắn hạn khác	34.7	19.1	81.4%
Tài sản dài hạn	3,725	3,959	-5.9%
Phải thu dài hạn	0.79	0.79	0.0%
Tài sản cố định	3,442	3,666	-6.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	57.8	53.5	8.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	225	239	-6.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	4,788	3,472	37.9%
Nợ ngắn hạn	4,598	3,281	40.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	3,632	2,411	50.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	377	456	-17.3%
Nợ dài hạn	191	191	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	8,789	8,581	2.4%
Vốn chủ sở hữu	8,789	8,581	2.4%
Vốn điều lệ	3,569	3,569	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Doanh thu thuần	2,130	3,152	2,467	2,274	2,522
Giá vốn hàng bán	1,534	2,155	1,607	1,369	1,715
Lợi nhuận gộp	596	997	860	904	808
Doanh thu HĐTC	71.4	92.3	92.6	84.3	67.3
Chi phí TC	38.4	50.6	28.5	21.4	27.4
Chi phí lãi vay	38.0	49.9	28.2	20.1	27.3
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	211	169	297	129	206
Chi phí QLDN	62.7	80.9	76.4	172	62.6
LN thuần từ HĐKD	356	789	551	666	579
Lợi nhuận khác	0.98	8.68	12.6	68.9	0.27
LN trước thuế	357	797	563	735	579
Lợi nhuận sau thuế	317	712	506	654	532
LNST của CĐ cty mẹ	317	712	506	654	532

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-417	1,148	1,441	236	-81.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-553	-292	-190	-747	-587
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	1,098	-887	-1,319	568	920
Tiền đầu kỳ	203	331	300	233	289
Lưu chuyển tiền thuần	128	-31.0	-67.4	56.9	252
Ảnh hưởng tỷ giá	0	-0.01	0.01	-0.18	0
Tiền cuối kỳ	331	300	233	289	541

(Nguồn: fireant.vn)